

Số: /BC-SYT

Đắk Nông, ngày

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác CCHC; Thông tin tuyên truyền CCHC giai đoạn 2016-2020 và Phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách TTHC giai đoạn 2016-2020**

#### **Phần thứ nhất**

#### **TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai các Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch tăng cường thông tin, tuyên truyền CCHC tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 116/KH-SYT ngày 28/12/2016 kế hoạch cải cách hành chính năm 2017; 73/KH-SYT ngày 12/6/2017 về việc tăng cường công tác truyền thông về cải cách hành chính của Ngành Y tế giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch 108/KH-SYT ngày 31/7/2017 về việc triển khai chương trình số 14/CTTr-TU ngày 04/5/2017 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về thực hiện nghị quyết số 07/NQ-TU ngày 18/11/2016 của Tỉnh ủy Đắk Nông về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch 149/KH-SYT ngày 30/10/2017 Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính; Công văn số 1599/SYT-VP ngày 04/11/2016 về việc tăng cường triển khai công tác CCHC giai đoạn 2016-2020; Công văn số 1727/SYT-VP ngày 29/11/2016 về việc cải thiện chỉ số cải cách hành chính năm 2016 và các năm tiếp theo; Công văn số 42/SYT-VP ngày 10/01/2018 về việc triển khai công tác cải cách hành chính năm 2018.

- Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách TTHC tỉnh giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 69/KH-SYT phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ngành y tế tỉnh đak nông giai đoạn 2017-2020; Công văn số 211/SYT-TCCB ngày 28/02/2017 về việc phát động thi đua năm 2017; Công văn số 732/SYT-VP ngày 27/02/2017 về việc phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và cải cách hành chính; 488/SYT-VP ngày 02/4/2019 về việc phát động phong trào thi đua năm 2019;

- Công tác phổ biến và quán triệt triển khai các kế hoạch: việc ban hành các văn bản chỉ đạo CCHC luôn được lãnh đạo Sở quan tâm và chỉ đạo, việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành của Sở luôn đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với việc thực hiện các kế hoạch: Nhằm kịp thời ghi nhận, biểu dương những cá nhân, tập thể có thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, Sở ban hành Kế hoạch số 69/KH-SYT ngày 01/6/2017 về phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính Ngành Y tế tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020.

## **2. Kiểm tra việc thực hiện**

- Từ năm 2016 cho đến nay, Sở đã ban hành một số kế hoạch để kiểm tra công tác thực hiện cải cách hành chính ở một số đơn vị. Cụ thể như sau:

- Trong năm 2017: Ban hành Kế hoạch số 72/KH-SYT ngày 06/7/2017 về việc kiểm tra và rà soát thủ tục hành chính và thực hiện kiểm tra định kỳ hàng quý và cuối năm. Trong năm Sở cũng ban hành Quyết định số 878/QĐ-SYT ngày 29/9/2017 về việc thành lập Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính và việc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Y tế. Thông báo số 53/TB-SYT ngày 03/10/2017 thông báo lịch kiểm tra, rà soát công tác cải cách hành chính và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Y tế năm 2017.

Sở đã tiến hành kiểm tra 5/10 đơn vị tuyến tỉnh, sau khi kiểm tra Sở đã có báo cáo kết quả kiểm tra công tác Cải cách hành chính và việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Y tế, qua kiểm tra đã nêu ra được những hạn chế cần khắc phục của các đơn vị trong công tác cải cách hành chính, công tác rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, trong việc tiếp nhận và trả kết quả của các thủ tục hành chính...

- Trong năm 2018: Theo Kế hoạch số 65/KH-SYT ngày 07/6/2018 Sở Y tế đã tiến hành kiểm tra, đánh giá hoạt động của Bệnh viện đa khoa tỉnh, trong đó có lồng ghép nội dung kiểm tra về cải cách hành chính. Đối với các đơn vị còn lại Sở lồng ghép vào kế hoạch kiểm tra cuối năm và hầu như các đơn vị đã chú trọng vào công tác cải cách hành chính, nắm rõ nội dung, mục đích của công tác CCHC, hàng tháng, quý, năm đều có báo cáo cụ thể gửi Sở Y tế để tổng hợp báo cáo cuối năm theo quy định.

- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyển biến trong công tác triển khai CCHC của các đơn vị: Qua quá trình kiểm tra Sở Y tế đã nhắc nhở và hướng dẫn các đơn vị khắc phục và thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định.

## **3. Thông tin, tuyên truyền**

- Nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền CCHC, Sở ban hành Kế hoạch số 73/KH-SYT ngày 12/6/2017 về việc tăng cường công tác truyền thông về công tác cải cách hành chính của Ngành Y tế giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch 108/KH-SYT ngày 31/7/2017 về việc triển khai chương trình số 14/CTTr-TU ngày 04/5/2017 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về thực hiện nghị quyết số 07/NQ-TU ngày 18/11/2016 của Tỉnh ủy Đắk Nông về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020. Ngoài ra, Sở còn xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC cho từng năm. Toàn Ngành có 02 pa nô về tuyên truyền CCHC, 01 pa nô được đặt tại trụ Sở chính của Sở và 01 pa nô được đặt tại Trung tâm Y tế huyện Cư Jut. Sở cũng đăng ký phóng sự trên sóng truyền hình tỉnh Đắk Nông 02 phóng sự về cải cách hành chính của Ngành Y tế tỉnh Đắk Nông. Công khai danh sách cán bộ

làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, cán bộ tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính. Có nhiều bài viết và tạo chuyên mục Cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử của Ngành (syt.daknong.gov.vn).

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính đã có nhiều kết quả đáng ghi nhận, các hình thức đa dạng, phong phú, nội dung tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng khác nhau, thu hút được sự quan tâm của tất cả người dân, doanh nghiệp và công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan đầu mối được giao chủ trì triển khai các kế hoạch nêu trên của UBND tỉnh: Các nhiệm vụ được giao, Sở Y tế đều cơ bản đạt được các kết quả, chỉ tiêu đề ra.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Cải cách thể chế**

a) Tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên cơ sở Hiến pháp 2013

- Thực hiện Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 30/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sở Y tế đã lồng ghép quán triệt, triển khai Hiến pháp năm 2013 và các văn bản của Trung ương và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cho công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành thông qua hội nghị giao ban hàng tháng, hàng quý nhằm quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò của người đứng đầu cơ quan trong thực thi Hiến pháp và việc chấp hành pháp luật của công chức, viên chức, người lao động gắn với việc gắn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Ngày 26/12/2016, Sở ban hành Công văn số 1369/SYT-VP về việc tham gia thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 cho tất cả công chức, viên chức, người lao động của ngành với nội dung tuyên truyền bám sát nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh tại địa phương, nhiều văn bản mới ban hành được triển khai kịp thời.

b) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật của cơ quan, đơn vị: Thực hiện Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số Điều và Biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Sở Y tế được chú trọng tập trung vào việc hoàn thiện thể chế về phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; cải cách thủ tục hành chính nhằm hướng mục tiêu quản lý nhà nước bằng pháp luật.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật của cơ quan, đơn vị: Về cơ bản, các văn bản QPPL của Sở tham mưu trình HĐND, UBND tỉnh ban hành đảm bảo về trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số Điều và Biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc xây dựng chương trình ban hành văn bản QPPL hàng năm của Sở cũng đã tham mưu trình HĐND, UBND tỉnh ban hành đã có sự đổi mới và sát hơn so với những năm trước. Chất lượng xây dựng dự thảo văn bản, tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các phòng chuyên môn được chú trọng và nâng cao tinh thần trách nhiệm được giao. Năm 2020, Sở Y tế đã đăng ký UBND tỉnh 01 Nghị quyết về việc quy định chính sách thu hút, đãi ngộ đối với bác sĩ, dược sĩ đại học và sau đại học về công tác tại các cơ quan, đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025 (Tờ trình số 636/TTr-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh về việc đăng ký Danh mục Nghị quyết trình HĐND tỉnh năm 2020).

Hàng năm, Ban Giám đốc Sở thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Ban Giám đốc Sở tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do Sở tham mưu trình HĐND, UBND tỉnh ban hành. Qua tự kiểm tra chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật; đồng thời rút kinh nghiệm đối với những văn bản có sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản.

- Công tác theo dõi, thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị: Trong những năm qua, Đảng ủy và Ban Giám đốc Sở đã tiếp tục quán triệt sâu sắc, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong việc thi hành pháp luật, cũng như việc áp dụng các văn bản luật trong hoạt động chuyên môn và trong các lĩnh vực ngành. Từ đó, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật, đề cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị. Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở đã tập trung chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao triển khai thực hiện nghiêm túc việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Trong xử lý vi phạm hành chính, Thanh tra Sở đã phối hợp với các Đội kiểm tra liên ngành xử lý các hành vi vi phạm pháp luật chủ yếu là nhắc nhở.

Thực hiện Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc công nhận Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh thường xuyên hoạt động nên công tác phổ biến, giáo dục pháp luật luôn được quan tâm; công tác tập huấn kỹ năng, bồi dưỡng cập nhật kiến thức pháp luật mới được chú trọng và ngày càng chặt chẽ, chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được nâng lên, từng bước đi vào chiều sâu với các hình thức phong phú, đa dạng.

- Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật (nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật: Trong các năm qua, tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật từng bước được quan tâm và hoàn thiện. Sở đã xây dựng kế hoạch xây dựng, ban hành và các kế hoạch rà soát qua các năm, từng bước hệ thống hóa và đảm bảo chất lượng đề ra

(Số văn bản phải rà soát: 05; Số văn bản đã được rà soát: 05; Kết quả hệ thống hóa văn bản : Tổng số văn bản được rà soát là 05 văn bản. Trong đó: Văn bản hết hiệu lực toàn bộ: 0 văn bản; Văn bản hết hiệu lực một phần: 0 văn bản; Văn bản còn hiệu lực tính đến thời điểm hiện nay: 5 văn bản; Văn bản không còn phù hợp được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ trong thời điểm rà soát: 0 văn bản

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: công tác kiểm tra được Sở chú trọng, thường xuyên kiểm tra, rà soát để cập nhật văn bản theo đúng quy định.

c) Việc tổ chức, triển khai hệ thống thể chế, cơ chế chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị

- Việc tổ chức triển khai: kết quả; đánh giá tác động của các thể chế đó đến các mặt đời sống xã hội; phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội: Nhìn chung, các VBQPPL của Sở tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh được ban hành theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Văn bản ban hành được triển khai thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; đồng thời, có tác động rất lớn, tạo hành lang pháp lý trong việc bảo đảm hoạt động hiệu quả của bộ máy nhà nước, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của nhà nước và Nhân dân; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

+ Tổ chức các hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý ngành cụ thể: Triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013, các Luật mới ban hành... Nội dung tuyên truyền bám sát nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh tại địa phương, nhiều văn bản mới ban hành được triển khai kịp thời.

+ Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho 130 cán bộ Đội phòng cháy chữa cháy của Sở và cán bộ các phòng, đơn vị trực thuộc Sở. Nội dung phổ biến: Luật Phòng cháy, chữa cháy; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014 của Bộ Công an về công tác phòng cháy, chữa cháy; Những kiến thức khoa học cơ bản về cháy nổ; PCCC điện, xăng, dầu, khí đốt hóa lỏng; Tính năng, tác dụng và cách bảo quản, sử dụng các loại phương tiện chữa cháy được trang bị; Quy trình và thực hành phương án chữa cháy.

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác bí mật nhà nước cho hơn 150 công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành.

+ Treo băng rôn tuyên truyền, panô tại cơ quan, đơn vị, các trục đường chính trên Quốc lộ và các trường học, nơi đông dân cư trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa, nhân ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện hoạt động của ngành liên quan đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

+ Ngoài ra, Sở còn lồng ghép tuyên truyền trong tổ chức các hoạt động ở cơ sở và trên Trang thông tin điện tử của Sở ([syt.daknong.gov.vn](http://syt.daknong.gov.vn)) về Hiến pháp năm 2013 và những Luật mới ban hành như: Luật xử phạt vi phạm hành chính và những văn bản liên quan đến xử lý vi phạm hành chính; Luật Phòng chống tham nhũng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2012 và Công ước quốc

tế về chống tham nhũng; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015; Luật Ban hành Văn bản QPPL năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL; Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Bộ Luật Tố tụng Hành chính, Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Luật Trưng cầu ý dân, Luật Điều ước quốc tế....Có chuyên mục văn bản pháp luật trên Trang của Ngành để đăng tải những văn bản pháp luật mới.

+ Công tác gia đình và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hằng năm, Sở đều triển khai các văn bản để tuyên truyền về phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và đều đạt được danh hiệu đơn vị văn hóa.

+ Tổ chức tuyên truyền Ngày Gia đình Việt Nam 28/6, Ngày nước thế giới, Ngày khí tượng thế giới, Ngày Quốc tế hạnh phúc... hằng năm, với nhiều hình thức khác nhau như: xây dựng bài tuyên truyền, treo băng rôn, panô tại cơ quan, đơn vị.

- Việc tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật: Xác định tầm quan trọng của công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, thời gian qua, Sở đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo, từng bước đưa công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL trên địa bàn tỉnh đi vào nề nếp, chất lượng, hiệu quả. Để triển khai thực hiện tốt công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, ngay từ đầu mỗi năm, Sở đã ban hành Kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra, rà soát và hệ thống VBQPPL của Ngành.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

a) Kết quả thực hiện số 146/KH-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách TTHC tỉnh giai đoạn 2017-2020:

Trong năm 2018 có 02 công chức được bằng khen của UBND tỉnh khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác CCHC (Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 23/1/2019 về việc tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (trong đó Sở Y tế có 01 sáng kiến về đánh giá chất lượng bệnh viện, khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế về thực hiện các thủ tục hành chính trong việc khám, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông và Bệnh viện đa khoa các huyện). Năm 2019, Đảng ủy Sở Y tế đã có 01 tập thể và 01 cá nhân gương điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong năm 2020 Đảng ủy đã cử viên chức tham gia hội thi kể chuyện về gương điển hình tiên tiến, tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Công văn số 84/CV-ĐU ngày 07/5/2020.

b) Tình hình thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của cấp trên: hàng năm, Sở Y tế đều thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở, từ đó đã đem lại hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước tại Sở chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày được nâng cao, thông qua thực hiện tiếp nhận hồ sơ TTHC tập trung tại một đầu mối Trung tâm Hành chính công của tỉnh; các thủ tục hành chính

được cải cách theo hướng nhanh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo 3 giảm: giảm thủ tục, giảm thời gian và giảm chi phí, đồng thời kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức đã tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ làm việc, đem đến sự hài lòng cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

### c) Kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc ban hành và triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị: Trên cơ sở các Quyết định công bố TTHC của Bộ Y tế, Sở Y tế đã tham mưu các Quyết định trình Ủy ban nhân dân công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo đúng trình tự và thẩm quyền theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về Nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

- Rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định đơn giản hóa TTHC:

+ Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC: Kế hoạch số 117/KH-SYT ngày 27/12/2016 kiểm tra rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2017; Kế hoạch 44/KH-SYT ngày 24/4/2018 thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của KĐND, UBND các cấp cấp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông 2014-2018; Kế hoạch 205/KH-SYT ngày 28/12/2018 rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 của sở y tế tỉnh Đăk Nông; Kế hoạch số 05/KH-SYT ngày 07/01/2020 Kế hoạch rà soát, kiểm tra và hệ thống hóa VBQPPL năm 2020.

+ Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát: Sở Y tế và các đơn vị đã tiến hành rà soát theo quy định.

+ Việc thực hiện các phương án đơn giản hóa TTHC: Tham mưu trình UBND tỉnh các Quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế đúng quy định. Tham mưu ban hành cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: Quyết định số 1200/QĐ-UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục TTHC cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh Đăk Nông năm 2019; Quyết định 1167/QĐ-UBND ngày 6/8/2020 về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian thực hiện so với quy định thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế.

+ Việc công bố, cập nhật TTHC: Tổng số TTHC chủ trì thực hiện: 180 thủ tục. Tổng số dịch vụ công trực tuyến cung cấp: 174 thủ tục (Mức độ 2: 51 thủ tục; mức 3: 112 thủ tục; mức 4: 11 thủ tục).

- Công khai TTHC: Sở Y tế đã công khai tại đơn vị, trên trang thông tin điện tử 100% thủ tục hành chính, và liên kết trực tiếp với Dịch vụ hành chính công của tỉnh (<https://dichvucong.daknong.gov.vn/>) tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp thuận lợi trong việc tìm kiếm, đăng ký TTHC. Đăng ký 04 TTHC Dược và ATVSTP ưu tiên tích hợp trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến quốc gia. Các TTHC thuộc thẩm

quyền giải quyết của Sở cho các cá nhân đảm bảo đúng thời gian, thời hạn theo quy định.

d) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo các cấp hành chính (tỉnh, huyện, xã). Trong đó làm rõ:

- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa: 178
- Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: 02
- Tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết từ năm 2016 đến nay, trong đó nêu rõ số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn, trễ hạn. Nguyên nhân trễ hạn.

+ Năm 2016: 0 hồ sơ (chưa triển khai Công dịch vụ công trực tuyến);

+ Năm 2017: 147 hồ sơ;

+ Năm 2018: 1212 hồ sơ;

+ Năm 2019: 795 hồ sơ;

+ Năm 2020: 558 hồ sơ (tính từ 01/01/2020 đến 31/10/2020).

Từ 2006 - 2020: có 28 hồ sơ trễ hạn, nguyên nhân

- Việc thực hiện xin lỗi khi giải quyết hồ sơ trễ hạn (nêu rõ số lượng hồ sơ đã xin lỗi/tổng hồ sơ trễ hạn): Đã thực hiện xin lỗi đối với các hồ sơ trễ hạn theo quy định.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị: Chưa có trường hợp nào phản ánh, kiến nghị

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

Vị trí và chức năng: Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Nông có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về y tế, bao gồm: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình; sức khỏe sinh sản và công tác y tế khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định của pháp luật.

*Kiến toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Sở Y tế:*

Thực hiện Chương trình hành động số 26-CTr/TU, ngày 08/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (Chương trình hành động số 26-CTr/TU) và Chương trình hành động số 30-CTr/TU, ngày 22/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số



19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập” (Chương trình hành động số 30-CTr/TU), từ năm 2017 Sở Y tế tỉnh Đắk Nông đã triển khai xây dựng đề án và tiến hành sáp nhập các đơn vị trực thuộc, kiện toàn cơ quan Sở Y tế; Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở Y tế đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, tinh thần nghị quyết đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành, qua đó đã nhận được sự đồng thuận cao trong quá trình xây dựng đề án sáp nhập, sắp xếp tổ chức bộ máy của ngành theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đến cuối năm 2018 công tác sáp nhập các đơn vị tuyến tỉnh, huyện được hoàn thành và đi vào hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

*Mô hình trước sáp nhập (năm 2016):*

Trước khi sáp nhập mô hình tổ chức của ngành Y tế tỉnh Đắk Nông gồm có 03 đơn vị quản lý hành chính Sở Y tế (gồm Cơ quan Sở, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Chi cục An toàn thực phẩm) và 31 đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Tổng biên chế được giao 2.067.

Trong đó:

- Biên chế hành chính: 59;
- Biên chế sự nghiệp: 2.008 (Tuyên tỉnh: 520, tuyên huyện: 912, tuyên xã: 576).

*Kết quả sau sáp nhập (năm 2020):*

- Tổ chức lại TTYT huyện thành Trung tâm Y tế đa chức năng: Thực hiện thống nhất mô hình mỗi cấp huyện chỉ có một Trung tâm Y tế (TTYT) đa chức năng bao gồm y tế dự phòng, dân số, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác; Trung tâm Y tế trực tiếp quản lý trạm y tế xã, ngành Y tế đã thành lập TTYT huyện, Thị xã trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Y tế (TTYT), Bệnh viện đa khoa (BVĐK) và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) huyện, thị xã.

- TTYT huyện đa chức năng được thành lập đảm bảo thống nhất với các quy định pháp luật về cải cách hành chính, tổ chức bộ máy đã được ban hành. TTYT tuyến huyện đa chức năng được tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, có năng lực quản trị và tự chủ, đảm bảo thực hiện tốt và có hiệu quả việc cung ứng dịch vụ y tế, dịch vụ dân số có chất lượng ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới; đội ngũ công chức, viên chức cơ cấu hợp lý theo chức danh nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ và vị trí việc làm, tinh giản đối với những vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ.

*Sau khi sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện:*

- Về đầu mối:

+ Giảm từ 23 đơn vị xuống còn 08 đơn vị, giảm 15 đơn vị;

+ Giảm từ 53 phòng, ban chức năng xuống còn 21 phòng chức năng, giảm 32 phòng, ban;

+ Giảm từ 86 khoa chuyên môn xuống còn 76 khoa, giảm 10 khoa.

- Về vị trí việc làm:

+ Vị trí Giám đốc: Giảm từ 23 vị trí xuống còn 08 vị trí, giảm 15 vị trí.

+ Vị trí Phó Giám đốc: Giảm từ 23 vị trí (37 người) xuống còn 08 vị trí (23 người, 03 Phó Giám đốc/ đơn vị, thị xã Gia Nghĩa 02 Phó Giám đốc), giảm 15 vị trí (14 người);

+ Vị trí văn thư - thủ quỹ: Giảm từ 23 vị trí (23 người) xuống còn 08 vị trí (08 người), giảm 15 vị trí (15 người). Trong số 23 vị trí văn thư - thủ quỹ thì có 12 người có chuyên môn y tế làm kiêm nhiệm nên sau sáp nhập đã bố trí đúng chức danh nghề nghiệp tại bộ phận chuyên môn, chỉ có 11 người có trình độ chuyên môn là văn thư - thủ quỹ;

+ Vị trí kế toán, hành chính: Giảm từ 23 vị trí (108 người) xuống còn 16 vị trí (84 người). Trong số 108 người làm công tác kế toán và hành chính thì chỉ có 36 kế toán và 04 chuyên ngành khác, còn lại có 68 người có chuyên môn y tế làm kiêm nhiệm, nên sau sáp nhập đã bố trí đúng chức danh nghề nghiệp tại bộ phận chuyên môn.

- Về cơ sở hạ tầng:

+ Trụ sở Bệnh viện huyện (cũ) là cơ sở chính để triển khai các hoạt động khám, chữa bệnh;

+ Trụ sở Trung tâm Y tế huyện (cũ): là trụ sở để quản lý, triển khai các hoạt động dự phòng bệnh và công tác dân số kế hoạch hóa gia đình;

+ Trụ sở Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện: là cơ sở để thực hiện dịch vụ tiêm chủng và các phòng khám của đơn vị.

*Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) trên cơ sở sáp nhập các đơn vị dự phòng tuyến tỉnh:*

Xác định sắp xếp các đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) cùng cấp trên cơ sở sáp nhập các tổ chức, đơn vị có cùng chức năng, nhiệm vụ và hoạt động lồng ghép; ngành Y tế đã tổ chức sắp xếp lại 5 trung tâm làm nhiệm vụ dự phòng tuyến tỉnh, gồm: Y tế dự phòng; Phòng, chống HIV/AIDS; Phòng, chống bệnh xã hội; Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Truyền thông giáo dục sức khỏe thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, hoạt động lồng ghép, bảo đảm thống nhất với các quy định pháp luật về cải cách hành chính, tổ chức bộ máy đã được ban hành.

Bên cạnh đó, các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế đã cắt giảm và thu gọn thành một chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, các chương trình, dự án tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế theo từng lĩnh vực cho hệ thống y tế dự phòng đều cắt giảm, từ đó không cần thiết phải có nhiều đầu mối tiếp nhận tại địa phương như trước đây. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của hoạt động y tế nên việc thành lập Trung tâm

Kiểm soát bệnh tật là hết sức cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn đối với tỉnh Đắk Nông. Trung tâm có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm; phòng, chống tác động của các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; quản lý sức khỏe cộng đồng; khám phát hiện, điều trị dự phòng và các dịch vụ y tế khác phù hợp với lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật. Sau sắp xếp thành lập CDC:

- Về đầu mối:

+ Giảm từ 05 đơn vị xuống còn 01 đơn vị, giảm 04 đơn vị;

+ Giảm từ 10 phòng chức năng xuống còn 03 phòng chức năng, giảm 07 phòng

;

+ Giảm từ 23 khoa chuyên môn và 01 Cơ sở điều trị Methadone còn 12 khoa chuyên môn, giảm 11 khoa chuyên môn và 01 cơ sở điều trị.

- Về vị trí việc làm

+ Vị trí Giám đốc: Giảm từ 05 vị trí (05 người) xuống còn 01 vị trí (01 người), giảm 04 vị trí (04 người);

+ Vị trí Phó Giám đốc: Giảm từ 05 vị trí (06 người) xuống còn 01 vị trí (hiện tại đang bố trí 04 người);

+ Vị trí văn thư - thủ quỹ: Từ 05 vị trí (05 người) xuống còn 01 vị trí (01 người);

+ Vị trí kế toán, hành chính: Từ 10 người giảm còn 7 người.

- Trụ sở làm việc

+ Trụ sở Trung tâm Y tế dự phòng (cũ): Là trụ sở chính của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC);

+ Trụ sở Trung tâm phòng, chống Bệnh xã hội cũ: Là trụ sở để triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng, các phòng khám chuyên khoa mắt, da liễu;

+ Trụ sở Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS cũ: Để triển khai các hoạt động phòng, chống HIV, Trung tâm điều trị Methadone; Trụ sở của Trung tâm Giám định y khoa (trước kia Trung tâm Giám định Y khoa chưa có trụ sở làm việc).

*Sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính:*

Kết quả tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 26-CTr/TU, ngày 08/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”

Sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của Sở Y tế, các Chi cục trực thuộc theo hướng tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả:

- Giảm số phòng chuyên môn của Cơ quan Sở Y tế và của 02 Chi cục:
  - + Cơ quan Sở Y tế giảm từ 06 phòng xuống còn 05 phòng, giảm 01 phòng;
  - + Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình từ 03 phòng sắp xếp lại không bố trí phòng, giảm 03 phòng;
  - + Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm từ 02 phòng sắp xếp lại không bố trí phòng, giảm 02 phòng.
- Về vị trí việc làm:
  - + Cơ quan Sở Y tế: Giảm 01 vị trí Trưởng phòng và 02 vị trí Phó trưởng phòng;
  - + Chi cục DS-KHHGD: Giảm 03 vị trí Trưởng phòng và 03 vị trí Phó trưởng phòng;
  - + Chi cục ATVSTP: Giảm 02 vị trí Trưởng phòng và 02 vị trí Phó trưởng phòng.
- Biên chế: Giữ nguyên 59 biên chế.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước. Về mô hình tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện:

Sắp xếp, tinh gọn bộ máy các đơn vị là chủ trương đúng đắn, khách quan, xuất phát từ yêu cầu cấp bách của thực tế; thực trạng tồn tại, hạn chế của hệ thống nhằm tổ chức hợp lý mô hình tổ chức đơn vị phù hợp với thực tiễn, xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội trong từng địa phương và trên phạm vi toàn quốc. Trong quá trình tiến khai thực hiện, Sở Y tế đã được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các chương trình hành động được ban hành kịp thời làm cơ sở để lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh nói chung, ngành Y tế nói riêng thuận lợi trong công tác tuyên truyền, xây dựng và phê duyệt đề án sáp nhập, sắp xếp tinh gọn bộ máy. Nhờ đó, công tác sáp nhập, sắp xếp, kiện toàn bộ máy được diễn ra thuận lợi. Đến thời điểm này, ngành Y tế đã sắp xếp thành công, đi vào hoạt động ổn định và được đánh giá là đơn vị tiên phong trong việc thực hiện tinh gọn bộ máy, cải cách hành chính hiệu quả. Cụ thể:

#### *Hiệu quả sau sáp nhập*

- Đối với Đề án sáp nhập các đơn vị dự phòng tuyến tỉnh thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- + Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông (Dak Nong Provincial center for Disease Control viết tắt là CDC) là phù hợp với xu thế chung của thế giới, khu vực và cả nước. Đây là mô hình tổ chức tập trung các hoạt động y tế dự phòng tại tuyến tỉnh theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực, hiệu quả công tác y tế dự phòng, phù hợp với chủ trương, chính sách, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà Nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay;

+ Trong điều kiện ngành y tế không được bổ sung biên chế, việc sáp nhập giảm đầu mối, giảm vị trí việc làm các nguồn lực về chuyên môn (nhân lực, vật lực) sẽ được tập trung hơn, thuận lợi hơn trong việc quyết định và điều phối nhân lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;

+ Trang thiết bị, nhân lực của khoa Dược - Cận Lâm sàng và Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng được tập trung và sử dụng có hiệu quả cho nhu cầu của hệ y tế dự phòng tuyến tỉnh;

+ Việc tổ chức có hiệu quả Phòng Khám đa khoa sẽ hỗ trợ tốt cho công tác của các khoa chuyên môn liên quan đến việc khám bệnh, khám sàng lọc, tổ chức điều trị dự phòng, đặc biệt là các bệnh không lây nhiễm, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân đặc biệt công tác dự phòng bệnh;

+ Giảm số lượng xe ô tô từ 07 ô tô xuống còn 04. Vì vậy phương tiện vận chuyển được sử dụng hiệu quả hơn, đồng thời số giờ làm việc của từng lái xe sẽ được tăng lên, giảm được thời gian rảnh rỗi giữa các đợt công tác;

+ Tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả hơn tài nguyên đất được giao. Bố trí được tất cả các đơn vị y tế tuyến tỉnh trên diện tích đất đã được UBND tỉnh cấp cho các đơn vị y tế tuyến tỉnh (trước đây có 03 Đơn vị chưa có trụ sở làm việc đến nay đã được bố trí trụ sở, đi vào hoạt động ổn định).

- Đối với Đề án sáp nhập các đơn vị y tế tuyến huyện, thành lập Trung tâm Y tế huyện, thị xã đa chức năng

+ Tập trung nguồn nhân lực: Tăng cường cán bộ có trình độ chuyên môn đang làm tại bộ phận hành chính cho các khoa nhất là cán bộ có trình độ đại học và sau đại học, khắc phục tình trạng thiếu bác sĩ và nguồn nhân lực có chất lượng cao; phát huy tối đa khả năng phục vụ chuyên môn khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế tuyến huyện, phát triển chuyên môn kỹ thuật và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với y tế cơ sở;

+ Sử dụng hiệu quả trang thiết bị: khi sáp nhập có thể huy động trang thiết bị y tế giữa các tuyến với nhau, giúp sử dụng hiệu quả hơn.

c) Về phân cấp quản lý: phân cấp về nâng lương, phân cấp về quy hoạch, bổ nhiệm. Các nội dung phân cấp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động các cơ quan, đơn vị: Xây dựng và kiểm tra được thực hiện vào cuối năm.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC**

a) Kết quả thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức

Thực hiện Chỉ thị 17 tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở đã có sự chuyên biến tích cực, tác phong làm việc cũng như hiệu quả công việc ngày một tốt hơn, tình trạng đi muộn về sớm, làm việc riêng trong giờ làm việc đã giảm đi đáng kể. Từng công chức, viên chức, người lao động luôn cố gắng nâng cao nhận thức và thực hiện có trách nhiệm, nghiêm túc, đầy đủ các quy định của cơ quan về kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Hàng năm ngành Y tế đã có kế hoạch đào tạo và triển khai công tác đào tạo trong toàn bộ cán bộ, công chức ngành Y tế nhằm

nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng cho quy hoạch phát triển ngành Y tế trong tương lai nhằm xây dựng đội ngũ CB, CC đáp ứng nhiệm vụ được giao.

b) Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm

c) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Hệ thống Y tế tỉnh được quản lý theo ngành dọc từ tỉnh đến tận y tế thôn buôn, bao gồm 15 đơn vị thuộc và trực thuộc tuyến tỉnh, huyện, thành phố và 71 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

- 03 đơn vị hành chính: Cơ quan Sở, Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; 04 đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp y; 08 đơn vị sự nghiệp y tế tuyến huyện trực thuộc gồm: 08 Trung tâm Y tế huyện, thành phố; 71 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

Thực hiện quản lý phân cấp theo Quyết định số 13/2017, ngày 04/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông.

d) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Bên cạnh các chính sách tạo nguồn nhân lực của tỉnh, ngành Y tế luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho công chức, viên chức, đặc biệt là trình độ chuyên môn sâu. Sở Y tế đã xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn, ngắn hạn phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế của ngành; hàng năm, tham mưu và cử công chức, viên chức tham gia đào tạo theo phân cấp quản lý; ngoài ra còn tranh thủ các nguồn kinh phí của dự án để đào tạo cho công chức, viên chức. Tuy nhiên, do số người làm việc nói chung và bác sĩ nói riêng còn thiếu hụt rất lớn, số lượng biên chế được giao còn quá thấp so với định mức tại Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV, cũng như quy mô phát triển và nhu cầu sử dụng nhân lực thực tế của ngành, trong khi biên chế từ năm 2017 đến nay không được tăng thêm mà còn giảm xuống nên việc cử công chức, viên chức đi đào tạo nhưng đồng thời vẫn đảm bảo nhân lực thực hiện công tác chuyên môn tại các đơn vị đã đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho ngành Y tế. Hiện tại số lượng công chức, viên chức đang tham gia đào tạo các chủng loại chiếm 10% tổng số nhân lực toàn ngành.

Ngoài ra, các đơn vị sự nghiệp thực hiện đào tạo liên tục cho viên chức theo quy định Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/08/2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế (Cán bộ y tế đã được cấp chứng chỉ hành nghề và đang hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có tham gia đào tạo liên tục tối thiểu 48 tiết học trong 2 năm liên tiếp. Cán bộ y tế khác được tham gia đào tạo liên tục tối thiểu 120 tiết học trong 5 năm liên tiếp, trong đó mỗi năm tối thiểu 12 tiết học).

Ngành Y tế đã nhận thức rõ vai trò của phát triển nguồn nhân lực, xác định phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành. Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức cả về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và năng lực công tác đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao mặt bằng chung về trình độ, năng lực của đội ngũ công

chức viên chức của ngành. Năm 2011 số lượng công chức, viên chức toàn ngành là: 1.815 người đến tháng 3/2020 số lượng đã tăng lên: 2.065 người, trong đó nữ: 1.384 người, chiếm 67%; dân tộc thiểu số: 273 người, chiếm 13,2%. Cụ thể:

- Đào tạo lý luận Chính trị: Đã cử 28 CC, VC tham gia các lớp cao cấp lý luận Chính trị, 61 CC, VC đào tạo trung cấp lý luận chính trị.

- Về chuyên môn nghiệp vụ:

Tính đến 31/3/2020 toàn ngành đã đào tạo:

+ 01 tiến sỹ y học, đạt 0,04%.

+ 03 bác sỹ chuyên khoa 2, đạt 0,14%

+ Đang học nghiên cứu sinh (tiến sỹ): 01 người, đạt 0,04%.

+ Thạc sỹ, Chuyên khoa I: 72 người, đạt: 3,48%

(Trong đó 01 người được đào tạo thạc sỹ ở nước ngoài theo Đề án 165 của tỉnh)

+ Đại học: 224 người, đạt 10,76 %.

+ Hiện nay tất cả số viên chức có trình độ trung cấp đã và đang chuẩn hóa lên trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Y tế.

Các lớp bồi dưỡng:

Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đối tượng II cho 10/17 người, đạt 58,82%; đối tượng III cho 22/76 người đạt 28,94%.

Bồi dưỡng quản lý chương trình chuyên viên cao cấp 02 công chức; quản lý chương trình chuyên viên chính 22 công chức, viên chức và quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cho 54 công chức, viên chức. Trên 70% viên chức lãnh đạo, quản lý tại các cơ sở khám, chữa bệnh được tham gia đào tạo chương trình quản lý bệnh viện. Từ 2015 đến nay, trên 90% viên chức làm việc tại các đơn vị thuộc hệ khám bệnh, chữa bệnh hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về giao tiếp ứng xử, “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ Y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” theo Quyết định 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ Y tế. Ngoài ra, công chức viên chức ngành Y tế còn được đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn liên tục theo quy định tại Thông tư số 22 /2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.

Từ năm 2017 đến tháng 03/2020 tranh thủ nguồn kinh phí tài trợ của Dự án HPET, Sở Y tế đã cử và tổ chức đào tạo kiến thức về Y học gia đình cho tổng cộng 599 viên chức y tế đang làm việc tại tuyến cơ sở, gồm: 15 bác sỹ chuyên khoa I Y học gia đình; đào tạo định hướng chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý Y học gia đình cho 73 bác sỹ, 89 y sỹ, 146 điều dưỡng, 113 hộ sinh, 76 dược; đào tạo quản lý y tế cho 50 Trưởng, phó Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; đào tạo siêu âm cho 22 bác sỹ tuyến xã. Trong đó số lượng viên chức nữ 432/599 người, chiếm 72,12%; dân tộc thiểu số 93/599 chiếm 15,52%. Đây là nguồn lực chính thực hiện mô hình bác sỹ gia đình tại y tế cơ sở trong tương lai theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc đào tạo, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng các tiêu chuẩn bổ nhiệm đặc biệt được chú trọng, đã cử 05 công chức, viên đi đào tạo lớp quản lý lãnh đạo cấp Sở, 21 công chức, viên chức đào tạo lớp quản lý lãnh đạo cấp phòng.

đ) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

- Việc tuyển dụng công chức, viên chức: Năm 2017: Xét tuyển đặc cách cho viên chức tuyển xã theo Nghị định 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ quy định về y tế xã, phường, thị trấn; kết quả đã tuyển dụng 53 viên chức y tế tuyển xã theo quy định ; Năm 2019: Xét tuyển theo hình thức cạnh tranh. Tổng số chỉ tiêu cần tuyển: 401 chỉ tiêu; Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 537 hồ sơ; Tổng số trúng tuyển: 369 người: Việc thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng của viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh: Năm 2018, Sở Y tế đã tổ chức xét 01 đợt thăng hạng cho viên chức, kết quả có 93 viên chức được thăng hạng từ hạng IV lên hạng III. Tất cả các viên chức được thăng hạng đảm bảo đủ về tiêu chuẩn và đáp ứng tốt vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp được thăng hạng.

- Chính sách thu hút người tài vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị: Thực hiện Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách thu hút, đãi ngộ đối với bác sĩ, dược sĩ đại học và sau đại học về công tác tại các cơ quan, đơn vị y tế công lập trên địa bàn Đắk Nông, giai đoạn 2015-2020; từ năm 2015 đến năm 3/2020 Sở Y tế đã tiếp nhận 46 hồ sơ đề nghị thu hút (04 sau đại học, 42 đại học) cụ thể như sau:

Tổng số hồ sơ đề nghị thu hút: 46. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt quyết định thu hút: 33 bác sỹ; trong đó: Bác sỹ thu hút đã tuyển dụng vào viên chức: 24; Bác sỹ đã được phê duyệt hưởng thu hút trong năm 2019 đang hợp đồng thử việc chờ thi hoặc xét tuyển viên chức: 04; Bác sỹ thu hút xin thôi việc: 05.

Hiện tại có 13 hồ sơ bác sỹ đang hoàn tất các thủ tục xét thu hút trong năm 2020 (sau khi Kế hoạch thu hút 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt).

Trong quá trình công tác, các bác sỹ thu hút được tạo điều kiện, có môi trường thuận lợi để cống hiến và ngày càng vững vàng về chuyên môn. Nhiều bác sỹ được đưa vào dự nguồn lãnh đạo khoa, phòng, bộ phận chuyên môn tại đơn vị.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Sử dụng hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông (<http://cbccvc.daknong.gov.vn>). Hiện nay Sở Y tế đang xây dựng phần mềm quản lý công chức, viên chức Ngành Y tế.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức: Hàng năm, Sở Y tế phối hợp với công đoàn ngành tổ chức các lớp tập huấn và hướng dẫn các đơn vị tập huấn lại cho công chức, viên chức tại đơn vị về văn hóa công sở, kỹ năng giao tiếp, ứng xử giúp công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị nâng cao nhận thức về ứng xử văn hóa nơi công sở, tiếp tục triển khai, hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thực hiện Quyết định 2151/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế; nhằm mục đích đổi mới phong cách phục vụ, văn hóa ứng xử, văn



minh công sở, cải cách hành chính; xây dựng và duy trì hình ảnh đẹp của người công chức, viên chức Y tế luôn “nói lời hay, làm việc tốt, ứng xử đẹp” trong thời kỳ đổi mới, hội nhập Quốc tế. Năm 2016, Sở Y tế tổ chức Hội thi sân khấu hóa về “Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”, kết quả Hội thi thành công tốt đẹp và có sức lan tỏa toàn ngành và cộng đồng.

## **5. Cải cách tài chính công**

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

- Chính sách cải cách về tiền lương, tiền công là một chính sách đặc biệt quan trọng của hệ thống chính sách kinh tế - xã hội, trong đó, việc cải cách về tiền lương, tiền công là việc thay đổi mức lương cơ sở của nhà nước, Sở Y tế đã thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền công cho công chức, viên chức và người lao động đúng định mức, đúng quy định và kịp thời.

- Các chính sách an sinh xã hội: Bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Việc thực hiện Chính sách an sinh xã hội đối với lĩnh vực y tế là vai trò, trách nhiệm của Sở Y tế và toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan. Hàng năm Sở Y tế thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn đã góp phần thực hiện tốt về chính sách an sinh xã hội.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước: Các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước (Sở Y tế; Chi cục Dân số - KHHGĐ; Chi cục ATVSTP) đang thực hiện cơ chế tự chủ theo nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập đang thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định 16 quy định lộ trình giá dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và thu nhập của người dân; từng bước tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định...

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí NSNN giao để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (khám chữa bệnh, đào tạo...), phát triển nguồn thu, góp phần giảm chi ngân sách nhà nước; xây dựng các giải pháp quản lý nội bộ để tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động.

## **6. Về hiện đại hóa hành chính**

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

- Việc đẩy mạnh thông tin điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đến năm 2020: Lãnh đạo Sở trực tiếp chỉ đạo, giám sát về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong toàn Ngành. Xây dựng, ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

- Đảm bảo hạ tầng CNTT trong việc triển khai, sử dụng hiệu quả các ứng dụng, hệ thống thông tin dùng chung của Bộ Y tế, UBND tỉnh (Thống kê tổ chức và nhân lực y tế; CSDL khám bệnh, chữa bệnh; CSDL tiêm chủng; CSDL bệnh dịch Quốc gia; CSDL quản lý hành nghề; CSDL Thẻ Bảo hiểm y tế; Hệ thống thông tin quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống quản lý phương tiện tránh thai; Hệ thống thông tin chuyên ngành DSKHHGD; Hệ thống quản lý văn bản điều hành; Một cửa liên thông điện tử, Hệ thống thư điện tử công vụ.

- Cơ quan Sở có 39 máy tính (35 máy tính để bàn; 4 laptop), đảm bảo tỉ lệ 1 máy/1 người, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ công chức. Hệ thống đường truyền: Sử dụng đường truyền mạng cáp quang với tốc độ 120 Mbps, mạng truyền số liệu chuyên dùng tốc độ 10Mbps, các máy tính đều kết nối internet, kết nối với các mạng chuyên dụng của tỉnh. Các đơn vị trực thuộc 14/14 (100%) có tỷ lệ công chức, viên chức được trang bị máy tính phục vụ công tác chuyên môn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân.

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị: Hàng năm Sở Y tế đều xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT ngành Y tế và triển khai đến các đơn vị. Kế hoạch số 202/KH-SYT ngày 25/12/2018 triển khai ứng dụng CNTT Ngành Y tế tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

- Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan, đơn vị: Đã triển khai sử dụng phần mềm từ tuyến tỉnh đến tuyến xã từ năm 2016 và đã thực hiện gửi nhận văn bản theo quy định.

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện. Trong đó thống kê số cơ quan, đơn vị ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ mạng LAN trong trao đổi công việc; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc: hệ thống quản lý văn bản và điều hành để trao đổi văn bản trên môi trường mạng giữa các cơ quan, đơn vị được triển khai đồng bộ, hiệu quả trong toàn Ngành. Đảm bảo việc cấp, phát, thu hồi chứng thư số, chữ ký số theo đúng quy định. Sử dụng thư công vụ: 116/121 (được cấp), 05 tài khoản bị khóa

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ trực tuyến. Trong đó, thống kê số lượng thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến ở các mức độ 1,2,3,4: Tổng số Thủ tục

hành chính chủ trì thực hiện: 180 thủ tục. Tổng số dịch vụ công trực tuyến cung cấp: 174 thủ tục (Mức độ 2: 51 thủ tục; Mức 3: 112 thủ tục; Mức 4: 11 thủ tục).

- Số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có trang thông tin điện tử: Ngành Y tế có Trang Thông tin điện tử đã được cấp phép *syt.daknong.gov.vn*

đ) Tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4:

+ Năm 2016: 0 hồ sơ (chưa triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến);

+ Năm 2017: 147 hồ sơ;

+ Năm 2018: 1212 hồ sơ;

+ Năm 2019: 795 hồ sơ;

+ Năm 2020: 558 hồ sơ (tính từ 01/01/2020 đến 31/10/2020).

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích:

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

- *Công tác chỉ đạo điều hành:*

+ Thường xuyên triển khai, quán triệt đến toàn thể công chức cơ quan những văn bản quy phạm pháp luật về ISO như: Quyết định số 19/2014/QĐ-Tg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu; Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai ISO điện tử trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 - 2020; Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 - 2020; Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng về Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) của Sở và các văn bản liên quan khác.

+ Ban chỉ đạo thực hiện, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL được thành lập theo Quyết định số 142/QĐ-SYT, ngày 23/6/2013 và đã được kiện toàn tại Quyết định số 21/QĐ-SYT ngày 28/01/2016 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Đến năm 2019 Sở đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-CQS ngày 6/9/2019 về việc thành lập ban chỉ đạo xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào các hoạt động hành chính của Cơ quan Sở Y tế tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 23/QĐ-CQD về việc Ban hành Quy chế làm việc

của ban chỉ đạo Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của cơ quan Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

+ Định kỳ hàng năm đánh giá công việc được giao thực hiện tại các phòng, ban vào cuối năm, báo cáo trực tiếp lên Lãnh đạo Sở Y tế, từ đó Lãnh đạo Sở chỉ đạo các bộ phận, chấn chỉnh và khắc phục kịp thời sai sót, nhằm thực hiện nền hành chính có kỷ luật chặt chẽ, không ngừng cải tiến thủ tục hành chính đúng theo yêu cầu của pháp luật, đáp ứng yêu cầu của người dân, tạo ra phương pháp làm việc khoa học mang tính hệ thống, đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính của Sở Y tế.

- *Việc xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng* : Từ năm 2016 cho đến thời điểm hiện tại Sở chưa nhận được khiếu nại nào liên quan đến việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng.

- *Việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015*

+ Năm 2016, 2017, 2018: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngành Y tế và công bố theo Quyết định số 411/QĐ-SYT ngày 18/3/2013 về việc ban hành áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động hành chính của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

+ Đến năm 2019,2020 Sở đã ban hành Quyết định số 25/QĐ-SYT ngày 8/10/2019 về việc ban hành, áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào phạm vi chức năng của Cơ quan Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

- *Hiệu quả mang lại*

+ Việc áp dụng HTQLCL chuyển đổi từ ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 tại cơ quan giúp quy trình xử lý công việc, giải quyết TTHC được hệ thống hóa; công chức khi thực hiện hiểu rõ nhiệm vụ, trình tự, thành phần hồ sơ tiếp nhận, kiểm soát được thời gian giải quyết hồ sơ từ đó hạn chế được sai sót, góp phần tăng tỷ lệ hồ sơ đúng và trước hẹn, nâng cao công tác cải cách hành chính tại cơ quan.

+ Thủ trưởng của cơ quan kiểm soát được toàn bộ quá trình giải quyết công việc của cơ quan, qua đó chỉ đạo kịp thời, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý và cung cấp dịch vụ công tại đơn vị;

+ Rà soát, cập nhật danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài, từ đó cập nhật thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng, giúp việc thực hiện các quá trình giải quyết TTHC tại cơ quan tuân thủ theo quy định của pháp luật.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC CCHC; TUYÊN TRUYỀN THỰC HIỆN CCHC; PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TTHC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

#### **1. Những kết quả tích cực đã đạt được**

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, UBND tỉnh và sự hướng dẫn các Sở, ngành có liên quan trong việc đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể CCHC của Ngành.

- Đội ngũ công chức, viên chức phụ trách công tác cải cách hành chính được nâng cao trình độ, năng lực, hiệu quả làm việc được cải thiện; hầu hết công chức, viên chức đều được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hành chính, góp phần tham mưu tốt hơn cho lãnh đạo trong giải quyết hồ sơ, công việc kịp thời chính xác, nhanh gọn, đúng luật, đúng hẹn, đồng thời giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa điện tử góp phần đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện các giao dịch hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư, kinh doanh các lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh.

## **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

- Nguồn kinh phí cho hoạt động cải cách hành chính còn hạn chế nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao hiệu quả chưa cao.

- Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế do thiết bị CNTT đã lạc hậu, chậm được đầu tư mới.

- Dịch vụ công trực tuyến đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa cao, phần lớn hồ sơ vẫn nộp theo đường bưu điện hoặc các dịch vụ chuyển phát khác nên chưa phát huy những ưu việt mà dịch vụ công trực tuyến đem lại.

- Ngoài ra, công tác xử lý trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh của một số công chức, viên chức vẫn chưa đảm bảo được thời gian quy định hoàn tất một thủ tục hành chính theo quy định, gây chậm trễ trong công tác xử lý hồ sơ, gây trễ hẹn cho doanh nghiệp, người dân. Từ đó công tác xử lý TTHC của Ngành vẫn còn hạn chế, gây trừ điểm trong công tác chấm điểm CCHC cuối năm, cản trở phần nào công tác hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra của sở trong Chương trình tổng thể đề ra.

## **3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC**

- Tuyên truyền cho công chức, viên chức và người lao động nâng cao nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, trách nhiệm trong công tác CCHC; tranh thủ sự lãnh đạo của cấp trên trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình tổng thể.

- Tổ chức xây dựng các Chương trình, mục tiêu đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc tổ chức thực hiện một cách bài bản, đồng bộ và có hệ thống.

- Hình thành tổ chức triển khai công tác xây dựng, tham mưu và hoàn thiện công tác CCHC của các phòng chức năng Sở có sự phối hợp đồng bộ của các đơn vị trực thuộc.

## **Phần thứ 2**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, đồng bộ tất cả các nội dung của chương trình CCHC nhà nước bao gồm: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (TTHC); cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CCVC); cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Ngành và tăng cường chất lượng trong cung cấp dịch vụ công về y tế cho người dân

### **1. Về công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những vấn đề tồn tại, yếu kém trong thực hiện các nội dung, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính nói chung, trong đó tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt và rà soát TTHC, cơ chế một cửa, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong thực hiện TTHC.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch để triển khai CCHC trong những năm tiếp theo, đặt ra những nhiệm vụ, mục tiêu cần đạt được % hoàn thiện cao hơn đối với Chương trình tổng thể cũ.

### **2. Về cải cách thể chế**

Nâng cao chất lượng tham mưu ban hành văn bản Quy phạm pháp luật: xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính phải mang tính cải cách, mang lại lợi ích cho người dân và hoạt động quản lý nhà nước trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, tiết kiệm chi phí, thời gian thực hiện các thủ tục.

### **3. Về cải cách thủ tục hành chính**

Cập nhật áp dụng các TTHC có sự thay đổi, thường xuyên, kịp thời đảm bảo áp dụng chính xác đối với người dân, doanh nghiệp. Gắn kết giữa đổi mới TTHC với Ban ISO để cải tiến quy trình thủ tục hồ sơ đạt chất lượng.

### **4. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng Sở và các đơn vị trực thuộc để tránh chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ. Xây dựng một tổ chức bộ máy nhà nước hoàn thiện.

### **5. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCV**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực, bên cạnh đó khuyến khích công chức, viên chức tự đào tạo nâng cao trình độ CNNV nâng cao tay nghề.

- Tranh thủ nguồn vốn các dự án để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành.

- Tiếp tục thu hút nguồn nhân lực có chất lượng

### **6. Về cải cách tài chính công**

Duy trì và thực hiện có hiệu quả Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính và chi tiêu nội bộ ở cơ quan, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, chi tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành.

## **7. Về hiện đại hoá hành chính**

Tiếp tục thực hiện đổi mới nền hành chính theo chỉ đạo của tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính.

## **8. Sự tác động của CCHC tới người dân, tổ chức và sự phát triển KT-XH.**

Xây dựng và thực hiện công tác CCHC tạo dựng niềm tin trong lòng người dân, doanh nghiệp, phấn đấu nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt mức 95 % trở lên.

### **Phần thứ 3**

### **KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

#### **1. Kiến nghị với Chính phủ, UBND tỉnh những nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh CCHC trong thời gian tới**

Các đơn vị sự nghiệp công lập đnag thwujc hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định 43/2006/NĐ-CP. Nhưng đến nay Chính phủ chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện. Vậy kiến nghị Chính phủ sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **2. Những kiến nghị, đề xuất khác**

- Đối với công tác chấm điểm chỉ số cải cách hành chính cuối năm kiến nghị phải có một đề cương báo cáo cụ thể cho các Sở, ban, ngành tránh trường hợp bị trừ điểm do ghi báo cáo CCHC cuối năm của các Sở, ban, ngành là không đầy đủ.

- Có chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức nhằm thu hút nhân tài, đảm bảo đáp ứng thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Quan tâm bố trí kinh phí cho công tác tuyên truyền về cải cách hành chính, đầu tư bổ sung thêm hệ thống trang thiết bị, máy móc để đáp ứng yêu cầu công việc.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC; Thông tin tuyên truyền CCHC giai đoạn 2016-2020 và Phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách TTHC giai đoạn 2016-2020 của Sở Y tế./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, VP(N).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hà Văn Hùng**

## PHỤ LỤC

### Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày / /2020 của UBND tỉnh)

#### **BIỂU MẪU 01**

#### **THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Từ ngày .../.../2016 đến ngày .../.../2020)

**Đơn vị báo cáo:** Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

STT	Nội dung thống kê	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra/tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Các sở, ban, ngành	UBND cấp huyện			
1	Kiểm tra công tác CCHC					
2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị					
3	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước					
4	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015, ISO điện tử					



**BIỂU MẪU 02****THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT***(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2020)*

Đơn vị báo cáo: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

TT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú	
<b>A</b>	<b>Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)</b>			
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã ban hành			
	Chia theo tên loại VBQPPL	Tổng số VBQPPL chủ trì soạn thảo đã được ban hành		
		Nghị quyết của HĐND tỉnh	1	Còn hiệu lực
		Quyết định của UBND cấp tỉnh	1	
		Nghị quyết của HĐND cấp huyện		
		Nghị quyết của HĐND cấp xã		
Quyết định của UBND cấp xã				
2	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật			
<b>B</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
1	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền			
2	Số văn bản phát hiện trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền			
3	Số văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý			
<b>C</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
1	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	12		
2	Số VBQPPL đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới sau rà soát	4	02 hết hiệu lực, 01 sửa đổi, bổ sung đã ban hành, 01 đang đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và tham	

			muru trình ban hành mới
3	Số VBQPPL đã xử lý theo thẩm quyền/kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát	2	02 hết hiệu lực, 01 sửa đổi, bổ sung đã ban hành, 01 đang đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và tham mưu trình ban hành mới
4	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		Số lượng/tổng văn bản cần xử lý

**BIỂU MẪU 03****TÌNH HÌNH CẬP NHẬT, CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC***(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2020)*

Đơn vị báo cáo: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; cấp xã. Trung tâm hành chính công

*Đơn vị tính: Số hồ sơ, TTHC*

TT	Nội dung	Tổng số TTHC đã thực hiện tại các dịch vụ công hiện nay					Tình hình cập nhật, công bố, công khai		
		Tổng số TTHC	TTHC mức độ 2	TTHC mức độ 3	TTHC mức độ 4	Dịch vụ BCCI	Số TTHC đã cập nhật	TTHC cập nhật mới trong kỳ	TTHC chưa cập nhật
1	Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	178	54	113	11	178		4	
2	TTHC đã được công bố	178	54	113	11		...		
3	TTHC được công khai tại Bộ phận một cửa	178	54	113	11		...		
4	TTHC công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh	178	54	113	11				
5	TTHC công khai trên Trang TTĐT của đơn vị	178	54	113	11				
6	TTHC ngành dọc thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa								
7	TTHC giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	2		2		2			
8	Công khai TTHC giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau trên Cổng TTĐT và Trang TTĐT của đơn vị								
9	TTHC đã công khai, triển khai quy trình nội bộ	178	54	113	11				

10	Số hồ sơ TTHC công khai kết quả giải quyết trên Cổng TTĐT và Cổng dịch vụ công tỉnh		2545	3					
11	TTHC thực hiện 4 tại chỗ								
12	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC	0							
-	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong kỳ								
-	Số lượng PAKN đã giải quyết								
-	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT								

**BIỂU MẪU 04****KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC**  
(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2020)Đơn vị báo cáo: Các Sở, ban, ngành;  
Trung tâm Hành chính công; UBND  
cấp huyện; UBND cấp xã

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

TT	Lĩnh vực, công việc được giải quyết tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ TTHC theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết					Kết quả giải quyết																
		Tổng số đã tiếp nhận	Trong đó				Tổng số đã giải quyết	Hồ sơ đã giải quyết												Hồ sơ đang giải quyết			
			Tiếp nhận trực tiếp	Tiếp nhận qua BCCI	Tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 3	Tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 4		Trả trực tiếp			Trả qua BCCI			Trả qua dịch vụ công mức độ 3			Trả qua dịch vụ công mức độ 4			Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
								Tổng số	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
<b>A</b>	<b>TTHC tại Trung tâm HCC</b>																						
1	Y tế Dự phòng	1	1				1	1	1	0										0	0	0	
2	Giám định y khoa	209	209				200	200	198	2										3	3	0	
3	Giám định Pháp Y	1	1				1	1	1	0										0	0	0	
4	Trang thiết bị và công trình y tế	0	0				0	0	0	0										0	0	0	
5	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	215	215				209	209	205	4										2	1	1	
6	Dược phẩm	1298	1295		3		1089	1086	1066	20					3	3				25	25	0	
7	Mỹ phẩm	0	0				0	0	0	0										0	0	0	
8	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	0	0				0	0	0	0										0	0	0	

9	Khám bệnh, chữa bệnh	824	824				695	695	693	2										17	17	0
---	----------------------	-----	-----	--	--	--	-----	-----	-----	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----	----	---

**BIỂU MẪU 05****TÌNH HÌNH XIN LỖI, NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐONG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC***(Từ ngày .../.../2016 đến ngày .../.../2020)***Đơn vị báo cáo:**

Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Trung tâm HCC tỉnh

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Tổng hồ sơ đề nghị giải quyết	Tình hình xin lỗi cá nhân, tổ chức							Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
			Tổng hồ sơ trễ có xin lỗi	Đề nghị bổ sung lần thứ nhất	Đề nghị bổ sung lần thứ hai	Chậm trễ lần thứ nhất	Chậm trễ lần thứ hai	Chậm trễ lần thứ ba	Kết quả giải quyết TTHC sai sót		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực được</b>	<b>02</b>	<b>02</b>								
	Thủ tục cấp giấy đủ điều kiện kinh doanh được	01	01							Do tiếp nhận một lúc quá nhiều hồ sơ mà các hồ sơ đều phải đi thẩm định thực tế cơ sở nên cấp chưa kịp (tuy nhiên chỉ trễ hạn 0.5 ngày)	
	Thủ tục cấp giấy đủ điều kiện kinh doanh được	01	01							Do lỗi kỹ thuật trên phần mềm (do chuyển nhầm tên cán bộ xử lý) tuy nhiên về thủ tục và kết quả đã được thực hiện và trả trước hẹn cho cá nhân hành nghề (cá nhân này là cán bộ của Sở Y tế và được Trung tâm hành chính công gọi báo kết quả trước hẹn).	

2	<b>Lĩnh vực Khám, chữa bệnh</b>	01	01							
	Cấp chứng chỉ hành nghề KCB cho người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	01	01							Do Lãnh đạo Sở phụ trách bị ốm
3	<b>Lĩnh vực Giám định y khoa</b>	01	01							
	Giám định để thực hiện độ hưu trí trước tuổi quy định đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	01	01							<p>Ngày 22/01/2018, TT GĐYK nhận được hồ sơ giám định của ông Nguyễn Tấn Xương Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ: Ngày 12/3/2018. Đơn vị nhận được hồ sơ của ông Xương vào thời điểm mới hoàn thành xong đợt khám giám định của tháng 01/2018. Vì thế nhằm đảm bảo tính khách quan, hồ sơ của ông được chuyển sang</p> <p>đợt khám giám định tháng 3/2018 (do tháng 2 rất ít hồ sơ không thể triển khai). Đơn vị đã hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ và trả kết quả vào ngày 22 tháng 3 năm 2018, trễ hạn 9 ngày so với quy định.</p>



4	<i>Lĩnh vực an toàn thực phẩm</i>	02									
	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	01								<p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công, đến ngày 02/01/2018 Chi cục ATVSTP đã tổ chức xác nhận kiến thức cho cá nhân, kết quả: Đạt yêu cầu; Sau đó Chi cục đã thực hiện trả kết quả (Giấy xác nhận kiến thức) về Trung tâm Hành chính công ngày 08/01/2018 (trước hạn so với quy định 05 ngày, có phiếu kiểm soát hồ sơ kèm theo).</p> <p>Tuy nhiên, tại thời điểm này phần mềm VNPT một cửa điện tử mới đi vào hoạt động, bị lỗi trên Hệ thống, VNPT đưa quy trình xử lý công việc không đúng thời gian quy định, cụ thể: Trên Hệ thống phần mềm VNPT một cửa điện tử thời gian nhận hồ sơ là ngày 26/12/2017, hạn xử lý 03/01/2018 (thời gian xử lý trên phần mềm chỉ 05 ngày làm việc, không đúng theo quy trình xây dựng là 11 ngày làm việc). Do đó, khi Chi cục chuyển kết quả giải quyết TTHC (ngày 08/01/2018) bị trễ hạn trên Hệ thống 02 ngày 6 giờ 15 phút là do lỗi của Hệ thống phần mềm 01 cửa điện tử, không phải lỗi của Chi cục ATVSTP.</p>	

	Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP – kinh doanh dịch vụ ăn uống.	01								Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công, đến ngày 10/8/2018 Chi cục ATVSTP đã tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở, kết quả: Đạt yêu cầu; Ngày 13/8/2018 Chi cục đã thực hiện trả kết quả (Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP) về Trung tâm Hành chính công (đúng hạn so với quy định, có phiếu kiểm soát hồ sơ kèm theo). Còn việc xử lý kết quả trên Hệ thống phần mềm 01 cửa điện tử bị trễ hạn 01 ngày 04 giờ 43 phút là do chuyên viên của Chi cục ATVSTP chuyển giao chưa kịp thời.
	<b>Tổng số:</b>	<b>6</b>	<b>4</b>							

(Từ năm 2016-2020 các hồ sơ được thống kê trên hệ thống thực tế là không trễ hạn hoặc không phải do lỗi của Sở Y tế (dựa vào các báo cáo cụ thể hàng quý của TTHCC), trong đó hàng năm có các báo cáo giải trình, cụ thể như sau:

**Năm 2018:**

1. Đối với 04 hồ sơ của Quầy thuốc Trần Thị Phượng, Nhà thuốc Lê Sỹ Thành, Quầy thuốc tây Huỳnh Thị Thùy, Quầy thuốc tây Phương An (Trương Thị Hương Lan) Phòng Nghiệp vụ dược đã giải quyết đúng thời gian quy định (có photo Giấy chứng nhận kèm theo), tuy nhiên do không xử lý trên phần mềm nên đã xảy ra trường hợp quá hạn, đối với các trường hợp này Phòng Nghiệp vụ dược đã trao đổi với Trung tâm hành chính công và Trung tâm hành chính công cũng đã ghi nhận (các báo cáo của Trung tâm không đề cập đến vấn đề trễ hạn hồ sơ lĩnh vực dược).

2. Đối với hồ sơ Quầy thuốc Nguyễn Thị Duyên: Hồ sơ này nhập sai mã do đó bên Trung tâm hành chính công đã nhờ bộ phận hỗ trợ VNPT hủy hồ sơ nhưng trên phần mềm vẫn báo trễ hạn.

3. Đối với hồ sơ của Quầy thuốc Thiên vũ: Phòng nghiệp vụ dược thông báo thẩm định cơ sở nhưng cơ sở có việc đột xuất không thể thẩm định và cơ sở đã làm đơn đề nghị tạm dừng hồ sơ qua Trung tâm hành chính công, sau thời gian tạm dừng trên phần mềm tiếp tục chạy thời gian xử lý dẫn đến quá hạn hồ sơ.

**Năm 2019:**

1. Quầy thuốc tây Việt Đức (Nguyễn Hoàng Tùng); Mã số hồ sơ: 24634661661.

Lý do trễ hạn: khi thẩm định cơ sở không đạt nên Sở Y tế đã gửi biên bản và báo Trung tâm Hành chính công tạm dừng chờ cơ sở khắc phục. Vì vậy khi hết thời gian mà cơ sở vẫn chưa có báo cáo khắc phục nên Sở Y tế không xử lý trả kết quả được, lỗi này không thuộc về Sở Y tế (vì đã có báo cáo tạm dừng).

2. Quầy thuốc tây Hoàng Linh; Mã hồ sơ: 224700664664

Lý do trễ hạn: khi thẩm định cơ sở không đạt nên Sở Y tế đã gửi biên bản và báo Trung tâm Hành chính công tạm dừng chờ cơ sở khắc phục. Vì vậy khi hết thời gian mà cơ sở vẫn chưa có báo cáo khắc phục nên Sở Y tế không xử lý trả kết quả được, lỗi này không thuộc về Sở Y tế (vì đã có báo cáo tạm dừng).

3. Quầy thuốc Thùy Ly (Nguyễn Thùy Ly); Mã hồ sơ: 24699664664

Lý do trễ hạn: khi thẩm định cơ sở không đạt nên Sở Y tế đã gửi biên bản và báo Trung tâm Hành chính công tạm dừng chờ cơ sở khắc phục. Vì vậy khi hết thời gian mà cơ sở vẫn chưa có báo cáo khắc phục nên Sở Y tế không xử lý trả kết quả được, lỗi này không thuộc về Sở Y tế (vì đã có báo cáo tạm dừng).

4. Quầy thuốc Mạnh Cường ( Nguyễn Văn Cường); mã hồ sơ: 24699662662.

Lý do trễ hạn: khi thẩm định cơ sở không đạt nên Sở Y tế đã gửi biên bản và báo Trung tâm Hành chính công tạm dừng chờ cơ sở khắc phục. Vì vậy khi hết thời gian mà cơ sở vẫn chưa có báo cáo khắc phục nên Sở Y tế không xử lý trả kết quả được, lỗi này không thuộc về Sở Y tế (vì đã có báo cáo tạm dừng).

5 Hồ sơ Bà Nguyễn Thị Diệu Hoa; Mã hồ sơ: 24751666666.)

Lý do trễ hạn trên phần mềm: do lỗi kỹ thuật trên phần mềm chuyển nhằm người xử lý hồ sơ, tuy nhiên về thủ tục và kết quả đã được thực hiện và trả cho cá nhân hành nghề đúng hạn.

**BIỂU MẪU 6**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY,  
BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH**  
(Từ ngày .../.../2016 đến ngày .../.../2020)

**Đơn vị báo cáo:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng biên chế hành chính				Số lượng lãnh đạo cấp phó thuộc Sở và tương đương /UBND huyện, thành phố		Số lượng phòng chuyên môn trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở và tương đương				Số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện và tương đương			
		Tổng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Số lãnh đạo /Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với trước kỳ báo cáo	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với trước kỳ báo cáo	Trưởng phòng và tương đương		Phó phòng và tương đương		Trưởng phòng và tương đương		Phó phòng và tương đương	
		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với trước kỳ báo cáo	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản					Số lượng /Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với trước kỳ báo cáo	Số lượng /Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với trước kỳ báo cáo	Số lượng /Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với trước kỳ báo cáo	Số lượng /Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với trước kỳ báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
A	<b>Cơ quan chuyên môn tỉnh</b>																
1	Sở Y tế	56	-7					5	-1								
-	Ban Giám đốc	4															
	P.TCCB	5	-1														
	P.KHTC	9															
	P. Thanh tra	4	-1														
-	Phòng NVYD	9	-1														

	Văn Phòng Sở	5															
	Chi cục ATTP	10	-2				0	-2									
	Chi cục DS- KHHGĐ	10	-2				0	-3									
	<b>Tổng số</b>	56	-7														

**BIỂU MẪU 7****THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ TRIỂN KHAI CẢI CÁCH CÔNG VỤ CÔNG CHỨC***(Từ ngày 01/01./2016 đến ngày 31/10/2020)***Đơn vị báo cáo:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.

<b>TT</b>	<b>Nội dung thống kê</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Số cơ quan hành chính đã được phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí làm việc của công chức		Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 05/12/2018
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		14/14 đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt VTVL: Quyết định số 1625/QĐ-UBND; 1636/QĐ-UBND; 1629/QĐ-UBND ngày 02/11/2020; 1638/QĐ-UBND, 1639/QĐ-UBND ngày 06/11/2020
3	Số biên chế đang sử dụng/tổng số biên chế được giao		1.828/1.995
4	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị SNCL (thuộc UBND cấp tỉnh; CQCM cấp tỉnh; UBND cấp huyện).		1.828/1.828
5	Số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (trong kỳ báo cáo).	<b>2000</b>	
6	Số cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định		Ghi rõ số lượng đạt chuẩn/tổng số cán bộ cấp xã
7	Số công chức cấp xã đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ theo quy định		Ghi rõ số lượng đạt chuẩn/tổng số công chức cấp xã

8	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (trong kỳ báo cáo)		Thông kê số người đã đi đào tạo, bồi dưỡng (không thống kê số lượng người)
9	Bổ nhiệm vị trí lãnh đạo (số lãnh đạo cấp sở và tương đương bổ nhiệm; lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương; lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bổ nhiệm).	<b>87</b>	
10	Số lượng CBCCVV bị kỷ luật; hình thức kỷ luật từng CBCCVV tại cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý	<b>41</b>	
11	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập giảm so với năm trước.		Năm 2016 có 31 ĐVSN Năm 2020 có 14 ĐVSN Như vậy, giảm 16 ĐVSN

**BIỂU MẪU 8****THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG***(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10./2020)*

**Đơn vị báo cáo:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.

<b>STT</b>	<b>Nội dung thống kê</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính		Ghi rõ số đơn vị đã triển khai/tổng số đơn vị
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở thực hiện cơ chế tự chủ		
-	Số đơn vị tử bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên		
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	10/12	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	10/12	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ		
-	Số đơn vị tử bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên		
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		
4	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP		



**BIỂU MẪU 9****THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**  
(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10./2020)**Đơn vị báo cáo:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố.

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Số lượng văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng Văn bản điện tử	174400	Tổng số văn bản đi và đến
2	Số đơn vị kết nối trực liên thông VBQG		
3	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG		
4	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG		
5	Số lượng chữ ký số	19 (Cơ quan Sở)	86 (cả ngành)
6	Số lượng công chức sử dụng Hộp thư điện tử/Số lượng Hộp thư điện tử đã cấp	44 (Cơ quan Sở)	121 (cả ngành)
7	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	01 (Cơ quan Sở)	14
8	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	01 (Cơ quan Sở)	14 (cả ngành)
9	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng/Trang thông tin điện tử	01 (Cơ quan Sở)	
10	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm Một cửa điện tử	5	

11	Số lượng hồ sơ giải quyết qua hệ thống Một cửa điện tử	2548	(01/01/2017-31/10/2020)
12	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố ISO 9001:2015	5	
13	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã triển khai ISO điện tử	5	

